

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-01-2023.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Trúc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Thạch Thanh Long.

2/. Ông Nguyễn Văn Thắng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Cẩm Thu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long không tham gia phiên tòa.***

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXXST-HN ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* chị Nguyễn Hồng Á, sinh năm 1982 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* anh Lê Hoàng N, sinh năm 1983 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Hồng Á là nguyên đơn trình bày:* Chị và anh N do quen biết nhau, tìm hiểu và anh chị đã được cha mẹ hai bên đồng ý cho đi đến hôn nhân, lễ cưới được tổ chức vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 19/10/2004, nữ trang ngày cưới không có, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống chung trong gia đình nhưng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ khoảng năm 2021 đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/6/2004 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Lê Hoàng N.
- Về con chung tên: Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/6/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai anh Lê Hoàng N là bị đơn trình bày:* Anh là chồng của chị Nguyễn Hồng Á. Anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị Á về hôn nhân, con chung, nữ trang là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, sống không có hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay không hàn gắn được.

Nay về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Hồng Á; Về con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/6/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Lê Hoàng N là bị đơn vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Hồng Á là nguyên đơn, anh Lê Hoàng N là bị đơn, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên Tòa hôm nay chị Nguyễn Hồng Á là nguyên đơn, anh Lê Hoàng N là bị đơn, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

**Về xác định quan hệ tranh chấp:** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của chị Nguyễn Hồng Á và anh Lê Hoàng N được xác lập vào năm 2004 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/10/2004 đúng quy định của pháp luật. Đây

là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị Á và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị Á cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống chung trong gia đình nhưng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ khoảng năm 2021 đến nay không hàn gắn được.

Anh N cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống chung trong gia đình nhưng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi, anh cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Á không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ khoảng năm 2021 đến nay không hàn gắn được.

Nay chị Á và anh N đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Á và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Á là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**[2.2] Về con chung tên:** Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/6/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

**[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung:** Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

**[2.4] Về án phí:** Chị Nguyễn Hồng Á có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình;  
Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- 1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Hồng Á.**
  - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng Á và anh Lê Hoàng N được ly hôn.
  - Về con chung tên: Lê Thị Hồng N, sinh ngày 19/6/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
  - Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- **Về án phí:** chị Nguyễn Hồng Ân phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0013030, ngày 20/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị Nguyễn Hồng Ân đã nộp đủ tiền án phí, anh Lê Hoàng N không phải nộp án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Lê Thị Trúc Linh**